TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2019
V/v *"Kiện ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Côn;
2. Bà Giàng Thị Phượng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Dần– Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2019/TLST - HNGĐ ngày 21/5/2019 về việc kiện "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn chị Ma Thị D - sinh năm 1978.

Trú tại: Bản K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Liệu Thị Thư – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Sùng Seo V- Sinh năm 1978.

Trú tại: Bản K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị D trình bày: Chị và anh Sùng Seo V tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1996 không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Anh V thường xuyên đi làm ăn xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, nhưng khi về nhà cũng không chăm lo quan tâm đến vợ con và gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ năm 2010 anh chị đã sống ly thân,

không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng Seo V theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có ba con chung cháu tên là Sùng Thị T sinh năm 1997, Sùng Thị C sinh năm 1998 và cháu Sùng Seo C sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh V không có tài sản chung nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sùng Seo V: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Sùng Seo V nhưng anh V không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ , vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Vợ chồng chị Ma Thị D và anh Sùng Seo V tự nguyện về chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay cuộc sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, chị D không còn tình cảm với anh V, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử không công nhận vợ chồng giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo V.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo V.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Tại phiên toà chị Ma Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Sùng Seo V sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản, giấy tờ tố tụng của Toà án cho anh Sùng Seo V nhưng anh Vành không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ. Tại phiên tòa anh Sùng Seo V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Chị Ma Thị D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Ma Thị D và anh Sùng Seo V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị D trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ma Thị D và anh Sùng Seo V tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy việc chung sống giữa chị Dí và anh Vành là tự nguyện nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Dí và anh Vành là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau được thời gian đến năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Anh Vành thường xuyên đi làm ăn xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, nhưng khi về nhà cũng không chăm lo quan tâm đến vợ con và gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình, thôn bản khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị Ma Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng Seo V theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị D, chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo V là phù hợp khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có ba con chung cháu tên là Sùng Thị T sinh năm 1997, Sùng Thị C sinh năm 1998 và cháu Sùng Seo C sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ma Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố

tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ma Thị D và anh Sùng Seo V.

2. Về án phí: Chị Ma Thị D phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001541 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị Dí đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh